

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 82/2014/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội khóa 13 về thi hành Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 953/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 26/QĐ-VKSTC-VC ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 3. Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Lãnh đạo VKSNDTC;
- Lưu: VT, VKSND cấp cao tại Đà Nẵng.

VIỆN TRƯỞNG



Lê Minh Trí

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO
*(Ban hành kèm theo Quyết định số **222/QĐ-VKSTC** ngày **17** tháng **6** năm 2020*
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, cán bộ, chế độ công tác, điều kiện bảo đảm hoạt động, mối quan hệ công tác và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

2. Quy chế này được áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a) Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
- b) Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức, người lao động khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
- c) Văn phòng, các Viện nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
- d) Các phòng thuộc Văn phòng và các Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
- đ) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có quan hệ công tác với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là một cấp kiểm sát trong hệ thống Viện kiểm sát nhân dân. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là cấp dưới trực tiếp của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và là cấp trên của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh) và Viện kiểm sát nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương (sau đây viết tắt là Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện) về công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện chức năng của Viện kiểm sát nhân dân quy định tại Hiến pháp năm 2013; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy

định tại Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quy chế và quy định của ngành Kiểm sát nhân dân và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm đối với các bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh có kháng cáo, kháng nghị.

2. Thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị.

3. Kiểm sát bản án, quyết định chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, phát hiện bản án, quyết định có vi phạm để kháng nghị hoặc kháng nghị bổ sung theo thủ tục phúc thẩm. Theo dõi, quản lý, kiểm tra, hướng dẫn, chỉ đạo việc thực hiện công tác kháng nghị phúc thẩm; rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh khi xét thấy không có căn cứ; kháng nghị hoặc thông báo không kháng nghị phúc thẩm khi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh có báo cáo đề nghị.

4. Tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý và giải quyết đơn, thông báo đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định của pháp luật và thực hiện quyền kháng nghị.

5. Phát hiện bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cùng cấp có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có tình tiết mới để thông báo, đề xuất việc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

6. Thông qua công tác kiểm sát xét xử phát hiện, tổng hợp tình hình vi phạm để kiến nghị, yêu cầu khắc phục; thông báo rút kinh nghiệm, đề xuất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có biện pháp giải quyết; tổng hợp vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để giải đáp, hướng dẫn hoặc đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao giải đáp, hướng dẫn; xây dựng đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ.

7. Thông qua công tác kiểm sát xét xử phát hiện sơ hở, thiếu sót trong hoạt động quản lý thực hiện quyền kiến nghị với cơ quan, tổ chức hữu quan khắc phục và áp dụng các biện pháp phòng ngừa vi phạm pháp luật và tội phạm.

8. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự, kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc

dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy chế nghiệp vụ của ngành Kiểm sát nhân dân.

9. Thực hiện công tác tổ chức cán bộ, công tác thanh tra, công tác tài chính, hành chính quản trị và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Ngành để bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

10. Giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền; kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Tòa án nhân dân cấp cao. Thực hiện trách nhiệm trong việc giải quyết bồi thường nhà nước; thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tương trợ tư pháp theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao lãnh đạo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu sự lãnh đạo thống nhất của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Mọi hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Quy chế và quy định của ngành Kiểm sát nhân dân, sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác phải thực hiện đúng phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này.

3. Bảo đảm tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng quy định của pháp luật, chương trình, kế hoạch công tác.

4. Bảo đảm phát huy năng lực và sở trường của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức; đề cao sự phối hợp trong công tác, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

5. Bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và hiệu quả trong mọi hoạt động.

Chương II

TỔ CHỨC BỘ MÁY, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC TẠI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

Mục 1

TỔ CHỨC BỘ MÁY

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

1. Tổ chức bộ máy của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gồm có:

- a) Ủy ban kiểm sát;
- b) Văn phòng và các Viện nghiệp vụ;
- c) Các phòng trực thuộc Văn phòng và Viện nghiệp vụ.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có Viện trưởng, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; Viện trưởng, các Phó Viện trưởng các Viện nghiệp vụ; Chánh Văn phòng, các Phó Chánh Văn phòng; Trưởng phòng, các Phó trưởng phòng; Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác.

Điều 6. Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

1. Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gồm có: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và một số Kiểm sát viên cao cấp.

2. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao mỗi đơn vị không quá 09 người.

3. Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao họp do Viện trưởng chủ trì để thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng sau đây:

a) Việc thực hiện chương trình, kế hoạch công tác, chỉ thị, thông tư và quyết định của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

b) Báo cáo tổng kết công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

c) Tuyển chọn người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao bổ nhiệm Kiểm tra viên; xét tuyển người đang công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đủ điều kiện dự thi vào ngạch Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính;

d) Xem xét, đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Kiểm sát viên cao cấp, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp, Kiểm tra viên cao cấp, Kiểm tra viên chính; đề nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao miễn nhiệm, cách chức Kiểm tra viên đang công tác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

4. Ủy ban kiểm sát ban hành nghị quyết khi thực hiện thẩm quyền tại khoản 3 Điều này. Nghị quyết của Ủy ban kiểm sát phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành, trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo phía có ý kiến của Viện trưởng. Nếu Viện trưởng không nhất trí với ý kiến của đa số thành viên Ủy ban kiểm sát thì thực hiện theo quyết định của đa số, nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

5. Theo đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Ủy ban kiểm sát thảo luận, cho ý kiến về các vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động phức tạp và những việc khác để Viện trưởng xem xét, quyết định.

Điều 7. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

1. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình nhiệm vụ công tác trọng tâm hàng năm. Tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tổ chức thực hiện theo dõi, quản lý chế độ thông tin, báo cáo. Tham mưu giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong quản lý, chỉ đạo, điều hành công tác tổng hợp, thống kê và công nghệ thông tin; công tác cán bộ, thanh tra và thi đua khen thưởng; công tác hành chính, quản trị và tài vụ; công tác tiếp công dân và tiếp nhận, xử lý đơn đề nghị, khiếu nại, tố cáo, phản ánh và các nhiệm vụ bảo đảm hoạt động thường xuyên của đơn vị; thực hiện các nhiệm vụ khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công.

2. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có 04 phòng gồm:

a) Phòng Tham mưu tổng hợp, Thống kê và Công nghệ thông tin (gọi tắt là Phòng Tổng hợp) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xây dựng báo cáo, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ công tác; tham mưu các biện pháp quản lý, chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; sơ kết, tổng kết công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện theo quy định và chương trình công tác của đơn vị;

- Giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tổ chức các phiên họp Ủy ban kiểm sát và phân công thư ký ghi biên bản các phiên họp của Ủy ban kiểm sát Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Tiếp nhận, kiểm tra và giao hồ sơ vụ án, vụ việc giữa Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với các cơ quan tố tụng khác; thụ lý và giao nhận hồ sơ vụ án, vụ việc đối với các Viện nghiệp vụ; bảo quản hồ sơ và tài liệu theo quy định;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về quan hệ phối hợp với Toà án nhân dân cấp cao trong công tác xét xử và thực hiện công tác chuyên môn giữa hai cơ quan; tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc phân công Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tổ chức thống kê kết quả hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan khác trong công tác thống kê, cung cấp số liệu thống kê theo quy định. Xây dựng kế hoạch, thực hiện các hoạt động công nghệ thông tin, quản trị hạ tầng mạng máy tính và phần mềm trong Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

b) Phòng Hành chính, Quản trị và Tài vụ (gọi tắt là Phòng Hành chính) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý, quản lý, lưu trữ các văn bản, công văn đi, đến, kiểm tra về mặt thể thức và kỹ thuật trình bày các văn bản do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành; tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong thực hiện công tác văn thư, lưu trữ quy định tại Điều 31 Quy chế này và công tác hồ sơ nghiệp vụ kiểm sát theo quy định;

- Phối hợp với các Viện nghiệp vụ phục vụ việc xác minh, bổ sung tài liệu đối với các vụ án, vụ việc mà Viện kiểm sát nhân dân cấp cao hoặc Toà án nhân dân cấp cao có yêu cầu bổ sung chứng cứ; thực hiện các thủ tục giao, gửi các văn bản tố tụng do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành;

- Thực hiện nhiệm vụ về kế toán, tài chính; xây dựng dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị; tiếp nhận, phân bổ, theo dõi, kiểm tra và thanh, quyết toán việc sử dụng kinh phí của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong việc thực hiện quản lý tài chính, tài sản quy định tại Điều 33 Quy chế này;

- Thực hiện các công việc hành chính, quản trị, nghi lễ, khánh tiết, quản lý đội xe, bảo vệ an ninh, trật tự, an toàn cơ quan; quản lý, theo dõi, mua sắm, cấp phát, việc sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất, phương tiện và kinh phí phục vụ công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; chăm sóc sức khỏe cho công chức và người lao động cơ quan Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

c) Phòng Tổ chức cán bộ, Thanh tra và Thi đua khen thưởng (gọi tắt là

Phòng Tổ chức) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hiện công tác tổ chức cán bộ theo quy định phân cấp quản lý cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân; tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong việc thực hiện công tác cán bộ quy định tại Điều 32 Quy chế này, các Quy chế của ngành Kiểm sát nhân dân và quy định pháp luật khác có liên quan;
- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến công chức, người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;
- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện công tác thanh tra công vụ, thanh tra nghiệp vụ tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo Quy chế của ngành Kiểm sát nhân dân và quy định của pháp luật;
- Xây dựng chương trình công tác thi đua khen thưởng, tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tổ chức các phong trào thi đua và quản lý công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất khen thưởng; sơ kết, tổng kết công tác thi đua khen thưởng;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

d) Phòng Tiếp công dân và xử lý đơn có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Tiếp công dân; tiếp nhận, phân loại, thụ lý, xử lý thông báo, phản ánh, đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, đơn thư khiếu nại, tố cáo gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
- Thụ lý đơn, thông báo, phản ánh thuộc thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Tham mưu, đề xuất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc phân công và chuyển đơn giải quyết theo thẩm quyền; thực hiện việc kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo kết quả giải quyết theo quy định;
- Quản lý, theo dõi yêu cầu rút hồ sơ và thực hiện việc giao nhận hồ sơ vụ án để nghiên cứu xem xét việc kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo sự phân công;
- Tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, phối hợp với các Viện nghiệp vụ về công tác kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tư pháp của Tòa án nhân dân cấp cao;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 8. Viện Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự (gọi tắt là Viện 1)

1. Viện 1 có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 3 Quy chế này trong lĩnh vực hình sự.

2. Viện 1 có 03 phòng gồm:

a) Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án an ninh, ma túy, trật tự xã hội và án khác (gọi tắt là Phòng THQCT và KSXX phúc thẩm 1) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục phúc thẩm các vụ án an ninh, ma túy, trật tự xã hội và án khác;

- Nghiên cứu hồ sơ, bản án, quyết định sơ thẩm, đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật để xem xét kháng nghị phúc thẩm và tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành kháng nghị phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh liên quan đến các vụ án an ninh, ma túy, trật tự xã hội và án hình sự khác ở giai đoạn phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ kiểm sát; trả lời thỉnh thị các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

b) Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm án kinh tế, tham nhũng và chức vụ (gọi tắt là Phòng THQCT và KSXX phúc thẩm 2) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử theo thủ tục phúc thẩm các vụ án kinh tế, tham nhũng và chức vụ;

- Nghiên cứu hồ sơ, bản án, quyết định sơ thẩm, đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị phúc thẩm và tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành kháng nghị phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo hoặc kiến nghị, phản ánh liên quan đến các vụ án kinh tế, tham nhũng và chức vụ ở giai đoạn phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông

báo rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ kiểm sát; trả lời thỉnh thị các vụ án hình sự của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các loại báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

c) Phòng Thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự (gọi tắt là Phòng THQCT và KSXX giám đốc thẩm, tái thẩm hình sự) có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hình sự;

- Thực hiện việc rút hồ sơ vụ án từ các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; nghiên cứu hồ sơ; giải quyết đơn đề nghị của đương sự hoặc thông báo phát hiện vi phạm của cơ quan, tổ chức về việc xem xét lại vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, tạm đình chỉ thi hành án khi kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; giải quyết đơn khiếu nại của đương sự hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức về việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất việc kháng nghị hoặc thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm; trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các loại báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các vụ án hình sự, đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền; tham mưu việc phân công giải quyết án theo sự ủy quyền; kiểm sát các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới.

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 9. Viện kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình (gọi tắt là Viện 2)

1. Viện 2 có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 3 Quy chế này trong

lĩnh vực dân sự, hôn nhân và gia đình.

2. Viện 2 có 02 phòng gồm:

a) Phòng Kiểm sát giải quyết án phúc thẩm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình;

- Nghiên cứu hồ sơ, bản án, quyết định sơ thẩm, đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị phúc thẩm và tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành kháng nghị phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình ở giai đoạn phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ kiểm sát; trả lời thỉnh thị về các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

b) Phòng Kiểm sát giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình;

- Thực hiện việc rút hồ sơ vụ án từ các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; nghiên cứu hồ sơ; đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ, yêu cầu hoãn thi hành án theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, tạm đình chỉ thi hành án khi kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; giải quyết đơn khiếu nại của đương sự hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức về việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất việc kháng nghị hoặc không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm; trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua

công tác giải quyết án; xây dựng các loại báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền; tham mưu việc phân công giải quyết án theo sự ủy quyền; kiểm sát các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 10. Viện kiểm sát việc giải quyết các vụ án hành chính (gọi tắt là Viện 3)

1. Viện 3 có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 3 Quy chế này trong lĩnh vực hành chính.

2. Viện 3 có 2 phòng, gồm:

a) Phòng Kiểm sát giải quyết án phúc thẩm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm các vụ án hành chính;

- Nghiên cứu hồ sơ, bản án, quyết định sơ thẩm, đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị phúc thẩm và tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành kháng nghị phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến các vụ án hành chính ở giai đoạn phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ kiểm sát; trả lời thỉnh thị về các vụ án hành chính của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

b) Phòng Kiểm sát giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm có nhiệm vụ:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án hành chính;

- Thực hiện việc rút hồ sơ vụ án từ các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án

nhân dân cấp huyện; nghiên cứu hồ sơ; đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ, hoãn thi hành án hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự hoãn thi hành án theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, tạm đình chỉ thi hành án khi kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; giải quyết đơn khiếu nại của đương sự hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức về việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất việc kháng nghị hoặc không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm; trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các loại báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các vụ án hành chính, đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền; tham mưu việc phân công giải quyết án theo sự ủy quyền; kiểm sát các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 11. Viện kiểm sát việc giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (gọi tắt là Viện 4)

1. Viện 4 có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 3 Quy chế này trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.

2. Viện 4 có 02 phòng, gồm:

a) Phòng Kiểm sát giải quyết án phúc thẩm có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục phúc thẩm các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật;

- Nghiên cứu hồ sơ, bản án, quyết định sơ thẩm, đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị phúc thẩm và tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành kháng nghị phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm công tác nghiệp vụ kiểm sát; trả lời thỉnh thị các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới trong khu vực theo phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

b) Phòng Kiểm sát giải quyết án giám đốc thẩm, tái thẩm có nhiệm vụ:

- Kiểm sát việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện việc rút hồ sơ vụ án từ các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; nghiên cứu hồ sơ; đề xuất việc xác minh, thu thập chứng cứ, yêu cầu hoãn thi hành án theo quy định pháp luật để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, tạm đình chỉ thi hành án khi kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; giải quyết đơn khiếu nại của đương sự hoặc đề nghị của cơ quan, tổ chức về việc xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất việc kháng nghị hoặc không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tham mưu Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ban hành thông báo rút kinh nghiệm; trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực theo sự phân công; kiến nghị khắc phục và phòng ngừa vi phạm thông qua công tác giải quyết án; xây dựng các loại báo cáo, đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ trong lĩnh vực công tác của phòng;

- Theo dõi, đôn đốc việc giải quyết các vụ việc kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật, đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc thẩm quyền; tham mưu việc phân công giải quyết án theo sự ủy quyền; kiểm sát các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp dưới;

- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Mục 2

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÔNG CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC

A - CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân

cấp cao

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về mọi mặt hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về kế hoạch công tác từng thời kỳ; tổ chức quản lý, chỉ đạo, điều hành và kiểm tra bảo đảm hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo đúng quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Ngành; chủ trì các cuộc họp Ủy ban kiểm sát.

2. Phân công nhiệm vụ, quyết định việc ủy quyền và ký các văn bản thuộc phạm vi được phân công, ủy quyền cho các Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ và Kiểm sát viên thực hiện một số công việc cụ thể theo quy định của pháp luật và quy chế, quy định của Ngành; tổ chức thực hiện công tác quy hoạch, quản lý, đánh giá cán bộ và thực hiện các quyền hạn thuộc thẩm quyền về phân cấp quản lý công chức và người lao động theo quy chế của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; bố trí, sử dụng có hiệu quả công chức và người lao động trong cơ quan theo phân cấp quản lý của Viện kiểm sát nhân dân tối cao; đảm bảo chế độ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, thực hiện chính sách cán bộ theo đúng quy định; quan tâm đến đời sống vật chất và tinh thần của công chức và người lao động, phối hợp với cấp ủy và các tổ chức đoàn thể để xây dựng và lãnh đạo phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ.

3. Là chủ tài khoản và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của cơ quan; thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm công khai, minh bạch về tài chính theo quy định của pháp luật; chấp hành các quy định về kế toán và kiểm toán.

4. Chỉ đạo, điều hành hoạt động thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; phân công việc nghiên cứu, giải quyết án, giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; trực tiếp chỉ đạo giải quyết các vụ án được quy định tại Danh mục A của Quy chế này; chỉ đạo giải quyết các đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm thuộc trường hợp quy định tại Danh mục B của Quy chế này; quyết định việc xác minh, điều tra bổ sung, việc giám định, giám định lại; trực tiếp tham gia phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm khi xét thấy cần thiết; quyết định việc hoãn thi hành bản án, quyết định, yêu cầu hoãn thi hành bản án, quyết định để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định

khí kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; quyết định việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng khi xác minh tái thẩm vụ án hình sự.

5. Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với các bản án và quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh chưa có hiệu lực pháp luật; kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi lãnh thổ thuộc thẩm quyền.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, trả lời thỉnh thị về nghiệp vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử cho các Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo quy định.

7. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiểm sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật; tổ chức tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh và trực tiếp tiếp công dân theo quy định.

8. Tổ chức thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định.

9. Đề xuất, kiến nghị với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có biện pháp giải quyết những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật khi giải quyết các vụ án, vụ việc; những bất hợp lý trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật.

10. Kiến nghị với Tòa án nhân dân cùng cấp yêu cầu khắc phục, rút kinh nghiệm đối với các vi phạm trong việc giải quyết vụ án, vụ việc; kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục vi phạm, sơ hở trong quản lý là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm, vi phạm pháp luật.

11. Tăng cường phối hợp với các đơn vị nghiệp vụ trong Ngành, xây dựng mối quan hệ công tác với Tòa án nhân dân cùng cấp và các cơ quan hữu quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong quản lý, chỉ đạo, điều hành những công việc được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công; thay mặt Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và pháp luật về những quyết định của mình. Phó Viện trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn

sau đây:

1. Cùng tập thể lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xây dựng kế hoạch công tác, đề ra các biện pháp thực hiện; tham gia bàn, quyết định những vấn đề về tổ chức, cán bộ, công tác đào tạo, bồi dưỡng;

2. Nghe, duyệt và quyết định những vụ, việc cụ thể, những vấn đề được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công phụ trách; báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao những vụ, việc còn có quan điểm chưa thống nhất của Kiểm sát viên, công chức về việc giải quyết; trực tiếp nghe lãnh đạo Viện nghiệp vụ và Kiểm sát viên cao cấp được phân công báo cáo quan điểm đối với các vụ, việc phức tạp có ý kiến khác nhau trong Viện nghiệp vụ và cho ý kiến, trước khi báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét, quyết định;

3. Được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ủy quyền ký các văn bản quy định tại Danh mục C của Quy chế này; chịu trách nhiệm về các quyết định, các văn bản pháp lý đã ký ban hành;

4. Trực tiếp tham gia phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

5. Khi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đi công tác vắng, một Phó Viện trưởng được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công có trách nhiệm quản lý điều hành công việc chung của cơ quan và báo cáo với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kết quả giải quyết công việc trong thời gian được giao quản lý cơ quan;

6. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên cao cấp

Kiểm sát viên cao cấp có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Ngành. Kiểm sát viên cao cấp tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu hồ sơ vụ án, xây dựng hồ sơ kiểm sát xét xử, thực hiện việc báo cáo án theo quy định tại Điều 28 Quy chế này; thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại phiên tòa, phiên họp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

2. Nghiên cứu, tham mưu giải quyết đơn đề nghị của người tham gia tố tụng, thông báo phát hiện vi phạm của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới và kiến nghị đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác; đề xuất với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét việc

kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

3. Tiếp công dân đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh hoặc đại diện cơ quan Đảng, Nhà nước và tổ chức đề nghị xem xét bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo sự phân công của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; trực tiếp tiến hành một số hoạt động xác minh, thu thập chứng cứ để phục vụ cho việc xem xét kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm;

4. Nghiên cứu bản án và quyết định sơ thẩm, báo cáo, đề xuất với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị;

5. Tham mưu lãnh đạo Viện nghiệp vụ ban hành văn bản hướng dẫn nghiệp vụ cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đối với các vụ án bị cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm hoặc tái thẩm hủy án để điều tra lại; đề xuất việc trả lời thỉnh thị của các Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới đối với vụ, việc được phân công;

6. Hướng dẫn nghiệp vụ đối với công chức khác theo sự phân công của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo Viện nghiệp vụ.

7. Thông qua công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử, phát hiện, tập hợp vi phạm để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kiến nghị, yêu cầu khắc phục; xây dựng các đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ; thông báo rút kinh nghiệm; phát hiện vi phạm, sơ hở trong quản lý nhà nước là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kiến nghị với các cơ quan hữu quan khắc phục; phát hiện những vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật để báo cáo đề xuất với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

8. Báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định đường lối giải quyết các vụ, việc quy định tại Danh mục A, Danh mục B của Quy chế này. Đối với vụ án do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kháng nghị, Kiểm sát viên được phân công kiểm sát xét xử không phải báo cáo duyệt án trước khi tham gia phiên tòa xét xử, trừ trường hợp có quan điểm khác phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Khi đã có ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Kiểm sát viên cao cấp phải chấp hành nghiêm túc và chỉ được thay đổi tại phiên tòa khi có tình tiết mới và chịu trách nhiệm về kết luận của mình. Sau phiên tòa phải báo cáo ngay với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc thay đổi đó;

9. Ký các văn bản được quy định tại Danh mục D Quy chế này; chịu trách nhiệm về việc tham mưu, đề xuất giải quyết công việc, các văn bản pháp lý đã ký;

10. Thực hiện công việc khác theo sự phân công của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo Viện nghiệp vụ và Phòng nghiệp vụ.

Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp

Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Ngành. Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu hồ sơ vụ án để xây dựng hồ sơ kiểm sát xét xử, chuẩn bị đề cương xét hỏi, đề xuất đường lối giải quyết vụ án;

2. Nghiên cứu, đề xuất đường lối giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của người tham gia tố tụng, báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới và kiến nghị đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác;

3. Nghiên cứu bản án, quyết định sơ thẩm được phân công, báo cáo, đề xuất về việc kháng nghị phúc thẩm hoặc kiến nghị;

4. Thông qua việc nghiên cứu hồ sơ phát hiện, tập hợp vi phạm để làm căn cứ cho việc kháng nghị, kiến nghị hoặc thông báo rút kinh nghiệm, đồng thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật, để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo Viện, phòng nghiệp vụ;

5. Giúp việc cho Kiểm sát viên cao cấp tại phiên tòa đối với các vụ án phức tạp theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

6. Trực tiếp điều tra, xác minh bổ sung một số tình tiết làm căn cứ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; đề xuất rút hồ sơ vụ án để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm theo sự phân công;

7. Thực hiện nhiệm vụ khác do lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Văn phòng, Viện nghiệp vụ, phòng nghiệp vụ phân công.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm tra viên các ngạch

Kiểm tra viên các ngạch tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Ngành còn có trách nhiệm giúp Kiểm sát viên thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 14, Điều 15 Quy chế này theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

B - CÁC CHỨC DANH KHÁC

Điều 17. Nhiệm vụ quyền hạn của Chánh Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Chánh Văn phòng có trách nhiệm giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quản lý và điều hành mọi hoạt động của Văn phòng. Chánh Văn phòng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được quy định tại Điều 7 Quy chế này; chủ động đề xuất với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về kế hoạch, chương trình công tác và biện pháp tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ được giao;
2. Giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong việc phân công nhiệm vụ cụ thể, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ của các Phó Chánh văn phòng, công chức, người lao động khác thuộc Văn phòng;
3. Tham mưu cho lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc thực hiện chính sách cán bộ; quản lý về mặt hành chính, lao động, công tác thanh tra, kiểm tra, công tác thi đua-khen thưởng, tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng trong đơn vị;
4. Phối hợp với các Viện nghiệp vụ trong Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để giải quyết công việc được giao;
5. Là chủ tài khoản thứ II của cơ quan (nếu được ủy quyền), chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc quản lý, sử dụng, chi tiêu kinh phí được cấp, không để xảy ra lãng phí, mất mát kinh phí, tài sản của đơn vị;
6. Ký các văn bản giao dịch với các cơ quan, đơn vị hữu quan; là người phát ngôn của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và cung cấp thông tin cho báo chí khi được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao nhiệm vụ;
7. Thực hiện công việc khác do lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Viện trưởng Viện nghiệp vụ

Viện trưởng Viện nghiệp vụ giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong hoạt động quản lý, điều hành Viện nghiệp vụ. Viện trưởng Viện nghiệp vụ có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Tham mưu, giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Viện nghiệp vụ theo quy định của Quy chế này; giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức nghiên cứu án; chủ động đề xuất với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về phương hướng, nhiệm vụ trong lĩnh vực công tác của Viện nghiệp vụ, tham gia xây dựng chương trình công tác chung của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; căn cứ vào chương trình công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xây dựng chương trình công tác của Viện

nghiệp vụ; tổ chức xây dựng báo cáo, thực hiện sơ kết, tổng kết về công tác chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng các báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác của Viện nghiệp vụ theo quy định;

2. Tham mưu cho lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc thực hiện chính sách cán bộ; quản lý về mặt hành chính, lao động, công tác thi đua - khen thưởng, tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng trong đơn vị;

3. Đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ của các Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ; Trưởng, Phó phòng, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức, người lao động khác thuộc quyền quản lý; theo dõi, rút kinh nghiệm về công tác nghiên cứu, lập hồ sơ kiểm sát; thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử tại các phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với loại án được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công;

4. Giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo dõi giải quyết đơn yêu cầu, đề nghị xem xét vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; kiểm tra công tác kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm của Kiểm sát viên, có ý kiến vào phiếu kiểm sát bản án trước khi Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định về việc kháng nghị đối với loại án được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công;

5. Tham mưu lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kiến nghị với Tòa án nhân dân cùng cấp hoặc cấp dưới, yêu cầu khắc phục, rút kinh nghiệm đối với các vi phạm trong hoạt động xét xử; đề xuất giải quyết vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật bất hợp lý trong văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật;

6. Giúp lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong việc theo dõi, quản lý tình hình thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát cấp dưới trong lĩnh vực án được giao phụ trách; tổ chức nghiên cứu đề tài, đề án, chuyên đề nghiệp vụ; góp ý xây dựng pháp luật, giải đáp các vướng mắc về nghiệp vụ của các Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới liên quan đến loại án được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công;

7. Phối hợp với các đơn vị khác trong việc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị mình và thực hiện nhiệm vụ chung của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; những việc phát sinh vượt quá thẩm quyền phải kịp thời báo cáo Viện trưởng hoặc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho ý kiến chỉ đạo giải quyết;

8. Khi được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công tham gia xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Kiểm sát viên cao cấp theo quy định tại Điều 14 Quy chế này;

9. Sau khi được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đồng ý và ủy

quyền, Viện trưởng Viện nghiệp vụ là Kiểm sát viên cao cấp có thẩm quyền ký các văn bản được quy định tại các Danh mục D và Danh mục E của Quy chế này;

10. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Điều 19. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ

Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ có nhiệm vụ giúp Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ quản lý, điều hành công việc chung của Văn phòng, Viện nghiệp vụ; Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ được Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ phân công phụ trách một hoặc một số việc cụ thể và chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công.

Khi Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ đi công tác vắng, một Phó Chánh văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ được phân công thay mặt Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ quản lý, điều hành công việc của đơn vị.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng phòng

1. Tham mưu giúp lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Viện nghiệp vụ xây dựng chương trình công tác, chủ động tổ chức thực hiện công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Ngành và của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao;

2. Đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ của các Phó Trưởng phòng, công chức và người lao động khác thuộc quyền quản lý;

3. Tham mưu cho lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Viện nghiệp vụ về việc thực hiện chính sách cán bộ; quản lý về mặt hành chính, lao động, công tác thi đua - khen thưởng, tổ chức bình xét thi đua, khen thưởng trong đơn vị;

4. Chủ động phối hợp với các Trưởng phòng khác để xử lý công việc của phòng và nhiệm vụ chung của Văn phòng, Viện nghiệp vụ;

5. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Viện nghiệp vụ giao.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng phòng

1. Phó Trưởng phòng có nhiệm vụ giúp Trưởng phòng quản lý, điều hành công việc chung của phòng, được Trưởng phòng phân công thực hiện một số việc cụ thể và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được giao.

2. Khi Trưởng phòng đi công tác vắng, một Phó Trưởng phòng được phân

công quản lý, điều hành công việc của Phòng.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng

1. Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Chánh Văn phòng về các công việc thuộc phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Kế toán trưởng;
2. Thực hiện các quy định của Nhà nước và hướng dẫn nghiệp vụ của Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác kế toán tài chính;
3. Tham mưu và chịu trách nhiệm về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán;
4. Định kỳ báo cáo công tác tài chính, kế toán của cơ quan với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Chánh Văn phòng;
5. Tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Chánh Văn phòng việc tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật Kế toán, công tác tuyển dụng, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật công chức là kế toán, thủ quỹ phù hợp với hoạt động của đơn vị; lập và bảo vệ dự toán ngân sách hàng năm; cân đối hạn mức kinh phí được giao, bảo đảm việc sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, có hiệu quả; lập báo cáo tài chính;
6. Yêu cầu các bộ phận liên quan trong cơ quan cung cấp đầy đủ, kịp thời tài liệu liên quan đến công tác kế toán và giám sát tài chính của Kế toán trưởng;
7. Báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Chánh Văn phòng bằng văn bản khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán để xử lý theo thẩm quyền.

Điều 23. Công chức, người lao động khác

Công chức, người lao động khác thuộc biên chế của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và của Ngành; có trách nhiệm thực hiện công việc hành chính tư pháp, hành chính quản trị và các công việc khác do Lãnh đạo phòng, Văn phòng, Viện nghiệp vụ, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giao.

Chương III CHẾ ĐỘ CÔNG TÁC

Điều 24. Kế hoạch, chương trình công tác

1. Hàng năm, các Viện nghiệp vụ tổng kết về công tác chuyên môn của Viện nghiệp vụ, xác định phương hướng, nhiệm vụ trong lĩnh vực công tác của Viện nghiệp vụ trong năm tiếp theo, gửi Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách, Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để tổng hợp báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối

cao, làm cơ sở xây dựng Kế hoạch công tác năm của Ngành, Kế hoạch công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Căn cứ Kế hoạch công tác năm của Ngành, Chỉ thị công tác của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, tình hình thực tế của đơn vị, Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xây dựng dự thảo Kế hoạch công tác năm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao lấy ý kiến đóng góp, trình Ủy ban kiểm sát cho ý kiến, sau đó trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ký ban hành chậm nhất ngày 10 tháng 01 hàng năm.

Căn cứ Kế hoạch, công tác năm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, chương trình công tác của đơn vị nghiệp vụ thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, các Viện nghiệp vụ và các phòng trực thuộc xây dựng Chương trình công tác năm của các đơn vị trước ngày 20 tháng 01 hàng năm.

2. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch công tác năm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, chương trình công tác năm của đơn vị mình ngay sau khi văn bản này được ban hành chính thức.

Các đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có chương trình công tác quý để triển khai thực hiện Kế hoạch, Chương trình công tác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và đơn vị mình; Chương trình công tác quý được quyết định trong tuần đầu của tháng đầu quý; khi ban hành phải gửi cho Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (Phòng Tổng hợp) một bản để theo dõi.

Chương trình công tác của đơn vị phải đề ra những nội dung công tác cụ thể, biện pháp thực hiện, phân công công chức, người lao động khác và các bộ phận đảm nhiệm và thời gian hoàn thành.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu trách nhiệm kiểm tra kết quả thực hiện kế hoạch và chương trình công tác của các đơn vị trực thuộc theo định kỳ hoặc đột xuất. Ngoài kiểm tra toàn diện, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có thể kiểm tra chuyên sâu các mặt công tác nhằm phục vụ yêu cầu công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Việc kiểm tra được thực hiện theo quy định của Ngành.

Điều 25. Tổ chức hội nghị và cuộc họp

1. Căn cứ yêu cầu công việc và phạm vi lĩnh vực công tác, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tổ chức các hội nghị và cuộc họp trên nguyên tắc thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm.

Các hội nghị gồm: Hội nghị triển khai công tác năm, 6 tháng, hội nghị

chuyên đề (triển khai, sơ kết, tổng kết một hoặc một số chuyên đề), hội nghị tập huấn công tác chuyên môn.

Các cuộc họp do lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chủ trì, gồm: họp Ủy ban kiểm sát; họp giao ban lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và lãnh đạo Văn phòng, Viện nghiệp vụ thường kỳ (tuần, tháng, quý); họp toàn thể Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao họp, làm việc với lãnh đạo các cơ quan, đơn vị hữu quan, lãnh đạo các Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới; các cuộc họp khác để giải quyết công việc của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Các cuộc họp do Viện trưởng (hoặc Phó Viện trưởng) Viện nghiệp vụ, Chánh Văn phòng (hoặc Phó Chánh Văn phòng) chủ trì để giải quyết các công việc chuyên môn và các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đã được quy định.

Các cuộc họp do Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng) chủ trì để giải quyết các công việc chuyên môn và các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của phòng đã được quy định.

2. Hội nghị và cuộc họp được tổ chức theo đúng chương trình, thành phần đã được phê duyệt; đơn vị chủ trì nội dung họp chịu trách nhiệm cử thư ký ghi biên bản họp; người chủ trì họp điều hành cuộc họp phải kết luận rõ ràng về các nội dung, vấn đề đã được thảo luận trong cuộc họp.

3. Văn phòng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cùng đơn vị được phân công có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện những nội dung lãnh đạo đã kết luận tại các hội nghị, cuộc họp; kiểm tra, đôn đốc, tổng hợp báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về kết quả thực hiện kết luận đó.

Điều 26. Ban hành văn bản

1. Thẩm quyền ký văn bản được thực hiện theo quy định của pháp luật, của Ngành hoặc theo sự phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Người có thẩm quyền chỉ ký văn bản khi đã có chữ ký kiểm tra của người được giao soạn thảo văn bản.

2. Văn phòng có trách nhiệm phát hành văn bản sau khi cấp có thẩm quyền ký, tổ chức quản lý văn bản theo quy định.

3. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày văn bản được ký ban hành, Văn phòng có trách nhiệm gửi văn bản cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lãnh đạo Viện thông qua hoặc cho ý kiến chỉ đạo về nội dung công việc, Văn phòng có trách nhiệm phối hợp

với các đơn vị liên quan hoàn chỉnh thủ tục để ban hành văn bản hoặc thông báo ý kiến kết luận của lãnh đạo Viện tại cuộc họp.

Điều 27. Đi công tác

1. Việc cử công chức tham gia các đoàn công tác của Đảng, Nhà nước, các đoàn công tác liên ngành, các đoàn công tác của ngành Kiểm sát tại các cơ quan hoặc các địa phương, đơn vị phải theo đúng thành phần được yêu cầu.

Khi kết thúc chương trình công tác, công chức tham gia đoàn phải báo cáo bằng văn bản gửi lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về kết quả công tác, kết luận của trưởng đoàn, những vấn đề có liên quan đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

2. Việc tổ chức đoàn đi công tác cơ sở nhằm thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, phải bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

Khi có chủ trương của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện nghiệp vụ được giao chủ trì phối hợp với Văn phòng liên hệ với cơ sở để thống nhất chương trình, kế hoạch làm việc, trình trưởng đoàn.

Đoàn công tác tại cơ sở chỉ làm việc và giải quyết những vấn đề đúng nội dung, chương trình đã thông báo và đúng thẩm quyền của đoàn.

3. Công chức được cử tham gia các đoàn công tác, học tập ở nước ngoài phải báo cáo bằng văn bản về kết quả chuyến công tác, học tập, nộp về Vụ Hợp tác quốc tế và Tương trợ tư pháp hình sự, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 28. Chế độ báo cáo nghiệp vụ

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và công chức được phân công nghiên cứu giải quyết vụ án, kiểm sát bản án, quyết định của Tòa án, giải quyết đơn yêu cầu, đề nghị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật phải đề xuất quan điểm xử lý trình lãnh đạo quyết định theo thẩm quyền được phân công, trong thời hạn quy định. Đối với các vụ án trọng điểm, vụ việc phức tạp phải có báo cáo định kỳ về tiến độ giải quyết, những khó khăn vướng mắc.

2. Các báo cáo đề xuất của Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và công chức về giải quyết vụ án, vụ việc đều phải được thể hiện bằng văn bản theo mẫu do Viện kiểm sát nhân dân tối cao quy định được lưu trong hồ sơ kiểm sát. Trong trường hợp cần báo cáo với tập thể lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Ủy ban kiểm sát thì phải gửi trước báo cáo và các tài liệu cần thiết khác.

Điều 29. Hướng dẫn, giải đáp vướng mắc pháp luật, nghiệp vụ; báo cáo

thỉnh thị và trả lời thỉnh thị

Việc hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ; báo cáo thỉnh thị và trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát cấp dưới đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử; trách nhiệm hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ, trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao cho Viện kiểm sát cấp dưới; trách nhiệm thực hiện của Viện kiểm sát cấp dưới đối với hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật, nghiệp vụ, trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được thực hiện theo Quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác hướng dẫn, giải đáp vướng mắc về pháp luật; nghiệp vụ; báo cáo thỉnh thị, trả lời thỉnh thị trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 30. Chế độ bảo mật nghiệp vụ

1. Công chức trong đơn vị phải tuyệt đối giữ bí mật thông tin trong công tác theo đúng quy định của pháp luật và của Ngành.

2. Hồ sơ vụ án, vụ việc phải được quản lý và giao nhận một cách chặt chẽ, không được mang hồ sơ, tài liệu của vụ án, vụ việc ra khỏi cơ quan nếu không phải vì công vụ.

3. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức trong Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không tiếp xúc, bàn bạc với người không có trách nhiệm, không được tiết lộ các tình tiết của vụ án, vụ việc và đường lối giải quyết vụ án, vụ việc.

4. Các báo cáo kiểm sát xét xử chỉ gửi đến cơ quan hữu quan trong Ngành, không gửi đến các cơ quan khác.

Điều 31. Công tác văn thư, lưu trữ

1. Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý và sử dụng con dấu của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được thực hiện theo quy định của pháp luật và của Ngành.

2. Công văn, tài liệu gửi đến Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải qua bộ phận văn thư để vào sổ và chuyển đến Chánh Văn phòng. Sau khi xem xét, phân loại, Chánh văn phòng giao cho Văn thư chuyển văn bản trình Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét, quyết định. Sau khi có ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Văn thư chuyển đến đơn vị hoặc công chức có trách nhiệm giải quyết. Việc giao, nhận phải được ký vào sổ theo dõi.

3. Mỗi công chức trong Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm quản lý các văn bản, tài liệu liên quan tới công việc được giao theo đúng quy định của pháp luật và của Ngành về việc quản lý, bảo quản, bảo mật công văn, tài liệu; lập hồ sơ lưu và bảo quản hồ sơ tài liệu, cuối năm phải sắp xếp, lập

danh mục bàn giao cho Văn phòng để lưu trữ; việc quản lý hồ sơ, tài liệu mật phải tuân thủ Quy chế Bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế về công tác văn thư, lưu trữ trong ngành Kiểm sát nhân dân.

4. Văn bản, tài liệu do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, các Viện nghiệp vụ hoặc Văn phòng soạn thảo, ban hành phải vào sổ công văn đi của Văn thư cơ quan trước khi gửi và phải lưu một bản ở Văn phòng.

5. Văn phòng giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ quản lý công văn, tài liệu của cơ quan và báo cáo đầy đủ, kịp thời với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 32. Công tác cán bộ

1. Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định của Quy chế phân cấp quản lý cán bộ trong ngành Kiểm sát trong việc tuyển dụng, sử dụng, điều động, nhận xét, đánh giá công chức; quyết định hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định việc đào tạo bồi dưỡng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, nâng lương, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với công chức và người lao động khác trong đơn vị.

2. Hội đồng đề nghị nâng lương, thi đua khen thưởng, kỷ luật của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gồm có: Tập thể lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, đại diện cấp ủy, đại diện Ban chấp hành Công đoàn và các thành viên khác. Hội đồng hoạt động theo quy định của pháp luật và quy chế của Ngành. Trên cơ sở kết quả thảo luận, quyết định của Hội đồng, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Việc quản lý công chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật và của Ngành. Công chức và người lao động khác phải chấp hành nghiêm kỷ luật lao động, thực hiện nghiêm theo quy định của Ngành về mặc trang phục, đeo phù hiệu, cấp hiệu.

4. Công chức và người lao động khác nghỉ phép hoặc có việc riêng cần nghỉ phải được sự đồng ý của lãnh đạo Viện nghiệp vụ, lãnh đạo Văn phòng, nghỉ từ 03 ngày trở lên phải được sự đồng ý của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Công chức, người lao động khác nghỉ phép theo chế độ phải có giấy xin phép ghi rõ thời gian, địa điểm sẽ đến nghỉ; giấy xin phép sau khi lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao duyệt được gửi đến Văn phòng để quản lý theo dõi.

Viện trưởng đi công tác hoặc nghỉ việc riêng phải thông báo và bàn giao công việc cho Phó Viện trưởng phụ trách, Phó Viện trưởng có việc riêng cần

ngiht phải được phép của Viện trưởng (hoặc Phó Viện trưởng phụ trách).

5. Công chức xin xuất cảnh vì việc riêng phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và thực hiện theo các quy định của pháp luật và của Ngành.

Điều 33. Quản lý tài chính, tài sản

1. Hoạt động thu, chi của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm lập, chấp hành, dự toán, thực hiện chế độ kế toán và chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng các nguồn tài chính, tài sản và cơ sở vật chất được giao theo quy định.

2. Công chức và người lao động khác có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn, tiết kiệm khi sử dụng tài sản công. Không ai được tự ý thay đổi, di chuyển máy móc, bàn ghế, trang bị nội thất từ phòng này sang phòng khác nếu không có sự đồng ý của người có thẩm quyền.

Chương IV

QUAN HỆ CÔNG TÁC

Mục 1

QUAN HỆ CÔNG TÁC TRONG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

A - QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA CÁC CHỨC DANH TƯ PHÁP

Điều 34. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng và Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao điều hành mọi hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công, uỷ nhiệm và có trách nhiệm báo cáo kết quả công tác với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Khi có ý kiến khác nhau thì Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải chấp hành ý kiến chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách.

Điều 35. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với Kiểm sát viên cao cấp

1. Khi thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp, Kiểm sát viên cao cấp tuân theo pháp luật, quy định của Ngành và chịu sự chỉ đạo của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao. Khi có ý kiến khác với ý kiến của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thì Kiểm sát viên cao cấp phải kịp thời báo cáo bằng văn bản với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn quyết định thì Kiểm sát viên cao cấp phải chấp hành nhưng không phải chịu trách nhiệm về hậu quả của việc thi hành.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nghiêm minh đối với vi phạm pháp luật của Kiểm sát viên cao cấp khi thực hiện nhiệm vụ được giao; có quyền rút, đình chỉ, hủy bỏ các quyết định trái pháp luật của Kiểm sát viên cao cấp.

2. Kiểm sát viên cao cấp trước khi báo cáo Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách phải có ý kiến của Viện trưởng Viện nghiệp vụ. Kiểm sát viên cao cấp phải chấp hành ý kiến chỉ đạo của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách. Khi có ý kiến khác nhau, Kiểm sát viên cao cấp báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định.

Điều 36. Quan hệ công tác giữa Kiểm sát viên cao cấp với Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp và Kiểm tra viên các ngạch

Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp và Kiểm tra viên các ngạch chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ của Kiểm sát viên cao cấp. Khi cùng tham gia giải quyết một vụ, việc, Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp và Kiểm tra viên các ngạch phải tuân theo sự phân công, chỉ đạo của Kiểm sát viên cao cấp. Trường hợp có ý kiến khác nhau giữa Kiểm sát viên cao cấp với Kiểm sát viên trung cấp, Kiểm sát viên sơ cấp và Kiểm tra viên các ngạch thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao xem xét quyết định.

B - QUAN HỆ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, PHỐI HỢP KHÁC

Điều 37. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với Ủy ban kiểm sát

1. Ủy ban kiểm sát làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
2. Các cuộc họp của Ủy ban kiểm sát do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao triệu tập và chủ trì.
3. Những vấn đề thuộc quyền hạn của Ủy ban kiểm sát thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải đưa ra Ủy ban kiểm sát thảo luận và quyết định.
4. Các Ủy viên Ủy ban kiểm sát có trách nhiệm thảo luận những vấn đề

được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đưa ra và có quyền đề xuất quan điểm giải quyết.

5. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban kiểm sát.

Điều 38. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với các Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này, nhằm giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong hoạt động quản lý, điều hành đơn vị do mình phụ trách. Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ có trách nhiệm thường xuyên báo cáo với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc thực hiện nhiệm vụ được giao để Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao kịp thời xem xét, giải quyết.

Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ báo cáo công việc với Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trực tiếp phụ trách. Nếu Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ có ý kiến khác nhau thì Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thực hiện ý kiến của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao nhưng có quyền báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 39. Quan hệ công tác giữa Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ và Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ,

Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công của Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ; khi có ý kiến khác nhau thì Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ thực hiện ý kiến của Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ nhưng có quyền báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách.

Điều 40. Quan hệ công tác giữa lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với các Trưởng phòng

Trưởng phòng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Quy chế này, nhằm giúp Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trong hoạt động quản lý, điều hành đơn vị cấp phòng. Trưởng phòng có trách nhiệm thường xuyên báo cáo với Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về việc thực hiện nhiệm vụ được giao để Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ kịp thời xem xét, giải quyết.

Trưởng phòng báo cáo công việc với Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ phụ trách về việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Nếu Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ và Trưởng phòng có ý kiến khác nhau thì Trưởng phòng thực hiện ý kiến của Phó Chánh Văn phòng, Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ nhưng có quyền báo cáo Chánh Văn phòng, Viện trưởng Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 41. Quan hệ công tác giữa Trưởng phòng và Phó trưởng phòng

Phó Trưởng phòng thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành theo sự phân công của Trưởng phòng; khi có ý kiến khác nhau giữa Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng thì Phó Trưởng phòng thực hiện ý kiến của Trưởng phòng nhưng có quyền báo cáo lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách phòng.

Điều 42. Quan hệ công tác giữa lãnh đạo phòng với công chức, người lao động khác trong phòng

Công chức, người lao động khác chịu sự quản lý về mặt hành chính của Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng. Khi có ý kiến khác với Phó Trưởng phòng thì công chức, người lao động báo cáo Trưởng phòng; công chức, người lao động khác có ý kiến khác với Trưởng phòng thì báo cáo lãnh đạo Văn phòng hoặc lãnh đạo Viện nghiệp vụ giải quyết.

Điều 43. Quan hệ công tác giữa lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với tổ chức Đảng, Công đoàn và tổ chức đoàn thể khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

Định kỳ 6 tháng, hàng năm, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao làm việc với đại diện lãnh đạo cấp ủy Đảng, lãnh đạo Công đoàn và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, thông báo về việc thực hiện nhiệm vụ công tác của đơn vị, của các tổ chức, biện pháp giải quyết những kiến nghị của Đảng viên, thành viên các tổ chức đoàn thể, ý kiến của các tổ chức, đoàn thể về hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Lãnh đạo cấp ủy Đảng, lãnh đạo các tổ chức đoàn thể được mời tham dự các cuộc họp do lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chủ trì có nội dung liên quan đến hoạt động, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của Đảng viên, thành viên các tổ chức đoàn thể.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức Đảng, Công đoàn và tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; tham khảo ý kiến của các tổ chức trước khi quyết định các vấn đề có liên quan đến quyền,

nhệm vụ và lợi ích hợp pháp của Đảng viên, thành viên các tổ chức đoàn thể.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao giới thiệu nhân sự đề cấp ủy thảo luận cho ý kiến về việc đề bạt, bổ nhiệm công chức.

Mục 2

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VỚI LÃNH ĐẠO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO, CÁC ĐƠN VỊ VÀ NGÀNH CÓ LIÊN QUAN

Điều 44. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm chấp hành, triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, chương trình, kế hoạch và thông báo của Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao tại đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện với Ban Cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Có trách nhiệm chuẩn bị nội dung, báo cáo đề xuất để đưa ra Ban cán sự đảng Viện kiểm sát nhân dân tối cao thảo luận, quyết định những việc thuộc chức trách, nhiệm vụ của Ban Cán sự đảng.

Điều 45. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Căn cứ Chỉ thị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chương trình, kế hoạch công tác của Ngành và của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chủ động tổ chức triển khai mọi hoạt động của đơn vị trong phạm vi thẩm quyền của mình và chịu trách nhiệm trước Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

2. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có trách nhiệm báo cáo, xin ý kiến và chấp hành nghiêm chỉnh ý kiến chỉ đạo của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách theo chế độ thông tin, báo cáo và quản lý công tác của ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chưa nhất trí với kết luận của Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao phụ trách thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao vẫn phải chấp hành nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

4. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao được thực hiện theo các quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 46. Quan hệ công tác giữa Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với các Vụ nghiệp vụ và đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao

1. Vụ nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đối với các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao; các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải định kỳ báo cáo, thống kê tình hình thực hiện các nhiệm vụ công tác với Vụ nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, thực hiện báo cáo thỉnh thị theo quy định; sao gửi các bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đến các Vụ nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân tối cao theo quy chế và quy định của ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Đối với vụ án cụ thể, nếu không thống nhất với hướng dẫn của Vụ nghiệp vụ thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tự quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật và quy chế của ngành Kiểm sát nhân dân. Trường hợp văn bản trả lời thỉnh thị có ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải chấp hành nghiêm chỉnh.

Trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chưa nhất trí với kết luận kiểm tra của Vụ nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định.

Điều 47. Quan hệ công tác giữa Viện kiểm sát nhân dân cấp cao với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong khu vực

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử các vụ án hình sự; kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật đối với Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trong giai đoạn xét xử. Việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật và của ngành Kiểm sát nhân dân.

2. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực phải định kỳ báo cáo, thống kê tình hình thực hiện các nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh và các Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện trực thuộc với Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo chế độ thông tin, báo cáo trong Ngành. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện có trách nhiệm gửi kịp thời, đầy đủ bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện về Viện kiểm sát nhân dân cấp cao (kèm

theo phiếu kiểm sát bản án) trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ theo quy định của Ngành.

Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực phải báo cáo và gửi lịch xét xử sơ thẩm những vụ, việc được quy định tại Danh mục F, gửi các văn bản tài liệu được quy định tại Danh mục G Quy chế này cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

3. Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo thỉnh thị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về đường lối giải quyết những vụ, việc được quy định trong Danh mục H của Quy chế này và những vụ, việc khác khi Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh đã trả lời thỉnh thị Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện (trong giai đoạn xét xử) nhưng còn ý kiến khác nhau hoặc những vụ việc khác Viện kiểm sát cấp tỉnh thấy cần thiết phải thỉnh thị. Việc thỉnh thị và trả lời thỉnh thị thực hiện theo quy định của Ngành.

Trường hợp có vấn đề chưa thống nhất ý kiến với Viện nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thì Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quyết định.

4. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thông báo cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh trong khu vực lịch xét xử theo thủ tục phúc thẩm tại địa phương.

Sau phiên tòa phúc thẩm, giám đốc thẩm và tái thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh kết quả xét xử, những vi phạm, thiếu sót trong hoạt động tố tụng của cấp sơ thẩm, phúc thẩm để rút kinh nghiệm và có biện pháp khắc phục.

Điều 48. Quan hệ công tác với Tòa án nhân dân cấp cao và các cơ quan hữu quan

1. Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phối hợp với Tòa án nhân dân cấp cao tại khu vực để thống nhất lịch phiên tòa trước khi xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

2. Đối với các vụ án rút toàn bộ kháng nghị thì trước khi mở phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao gửi quyết định rút kháng nghị cho Tòa án nhân dân cấp cao tại khu vực để Tòa án ra quyết định đình chỉ vụ án, nếu không có kháng cáo.

3. Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phối hợp với các cơ quan hữu quan có liên quan để phòng, chống tội phạm có hiệu quả; xử lý kịp thời, nghiêm minh các loại tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; phổ biến, giáo dục pháp luật; xây dựng pháp luật; đào tạo, bồi dưỡng. Hoạt động phối hợp phải bảo đảm đúng quy định của

Viện kiểm sát nhân dân tối cao và quy định của pháp luật.

Chương V

BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

Điều 49. Tổng biên chế, số lượng, cơ cấu tỷ lệ ngạch Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

1. Số lượng Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không quá 04 người. Số lượng cấp phó của Văn phòng, Viện nghiệp vụ là không quá 03 người. Số lượng cấp phó của mỗi đơn vị cấp phòng là không quá 02 người.

2. Căn cứ tổng biên chế, số lượng, cơ cấu tỷ lệ các ngạch Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định biên chế, số lượng Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác của từng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 50. Kinh phí và cơ sở vật chất

1. Kinh phí hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao do Viện kiểm sát nhân dân cấp cao lập dự toán và đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định. Việc phân cấp quản lý, phân bổ và sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách. Viện kiểm sát nhân dân tối cao tạo điều kiện để các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được bảo đảm kinh phí hoạt động.

2. Các Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có con dấu, tài khoản, trụ sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc.

Điều 51. Quản lý, sử dụng trang phục, giấy chứng minh Kiểm sát viên, giấy chứng nhận Kiểm tra viên

1. Công chức và người lao động khác của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được cấp trang phục và phù hiệu; Kiểm sát viên các ngạch được cấp cấp hiệu, giấy chứng minh; Kiểm tra viên các ngạch được cấp cấp hiệu, giấy chứng nhận để làm nhiệm vụ.

2. Việc cấp phát và sử dụng trang phục Ngành, phù hiệu, cấp hiệu của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được thực hiện theo quy định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Phòng Tổ chức cán bộ tham mưu giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao quản lý, cấp phát, thu hồi giấy chứng minh Kiểm sát viên, giấy chứng nhận Kiểm tra viên, phù hiệu, cấp hiệu, biển tên đối với công chức và người lao động khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của Ngành.

Điều 52. Chế độ đào tạo, bồi dưỡng

1. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác tại Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được đào tạo, bồi dưỡng theo quy định của pháp luật và của Ngành.

2. Khuyến khích, tạo điều kiện để Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức và người lao động khác học tập, tự nâng cao trình độ; có chính sách ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đối với Kiểm sát viên, Kiểm tra viên và công chức được quy hoạch là nguồn xây dựng đội ngũ lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật và của Ngành.

3. Viện kiểm sát nhân dân tối cao có trách nhiệm bảo đảm nguồn kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao theo quy định của pháp luật.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 53. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký Quyết định ban hành Quy chế và thay thế các quy định trước đây về tổ chức và hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.

Điều 54. Trách nhiệm thi hành

Viện trưởng Viện kiểm sát quân sự trung ương, Thủ trưởng đơn vị thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, thành, phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định./.

VIỆN TRƯỞNG



Lê Minh Trí

DANH MỤC A

CÁC VỤ ÁN PHÚC THẨM DO VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT

1. Án có kháng cáo kêu oan.
2. Án sơ thẩm tuyên phạt tử hình.
3. Án mà Kiểm sát viên cao cấp dự kiến đề nghị cải sửa cơ bản so với án sơ thẩm bao gồm: Cải sửa từ tử hình xuống tù chung thân, tù có thời hạn và ngược lại; cải sửa từ tù chung thân xuống tù có thời hạn và ngược lại; giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo; cải sửa từ hình phạt tù xuống hình phạt khác nhẹ hơn và ngược lại; thay đổi tội danh; cải sửa từ có tội sang không có tội; thay đổi khung hình phạt.
4. Các vụ án điểm, vụ án thuộc nhóm tội tham nhũng, ma túy, buôn lậu lớn mà công luận quan tâm và án an ninh quốc gia
5. Vụ việc qua nghiên cứu có đề xuất kháng nghị phúc thẩm; án có kháng nghị phúc thẩm.
6. Vụ án dự kiến đề nghị cải sửa khác với sự hướng dẫn của các Vụ nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc sự chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
7. Vụ án dự kiến đề nghị huỷ để điều tra lại, huỷ để xét xử lại, huỷ để đình chỉ vụ án.
8. Vụ án cần giám định, xác minh bổ sung trước khi xét xử phúc thẩm.
9. Vụ án có quan điểm khác nhau giữa Kiểm sát viên cao cấp với Hội đồng xét xử phúc thẩm qua trù bị.
10. Vụ án, vụ việc phức tạp có ý kiến khác nhau giữa các Kiểm sát viên cao cấp, hoặc giữa Kiểm sát viên cao cấp với công chức nghiệp vụ.
11. Vụ án hành chính, vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động trong trường hợp có kháng nghị hoặc dự kiến hủy hoặc sửa cơ bản.
12. Các vụ án hành chính, vụ việc dân sự, kinh doanh thương mại, lao động phức tạp.
13. Vụ án khác mà Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thấy cần thiết.

DANH MỤC B**CÁC VỤ VIỆC GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM DO VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT**

1. Vụ án, vụ việc có đơn đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm do các cơ quan Đảng, Nhà nước, lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến để xem xét; vụ án, vụ việc do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; vụ án, vụ việc có văn bản đề nghị của cơ quan thi hành án; vụ án, vụ việc qua nghiên cứu có đề xuất kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm;

2. Vụ án, vụ việc trả lời khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật;

3. Các vụ án, vụ việc Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao và Kiểm sát viên cao cấp có quan điểm khác nhau về đường lối giải quyết đơn đề nghị xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; hoặc có quan điểm khác với kháng nghị.

4. Các trường hợp khác Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao thấy cần thiết.

DANH MỤC C

CÁC VĂN BẢN DO PHÓ VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO KÝ

1. Văn bản trả lời, trao đổi với các Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh trong khu vực.
 2. Văn bản kiến nghị với Cơ quan điều tra, Tòa án nhân dân cấp dưới yêu cầu khắc phục, rút kinh nghiệm đối với các vi phạm trong hoạt động điều tra và xét xử.
 3. Thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ án, vụ việc được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao ủy quyền.
 4. Thông báo tiến độ giải quyết đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm do các cơ quan Đảng, Nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến để xem xét.
 5. Kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án và quyết định của Tòa án nhân dân cấp dưới; quyết định rút kháng nghị phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ, việc được Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phân công giải quyết.
 6. Văn bản đề nghị hoãn thi hành bản án, quyết định để xem xét kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật khi kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm.
 7. Văn bản trả lời thỉnh thị của Viện kiểm sát cấp tỉnh về đường lối giải quyết vụ án.
- Đối với các trường hợp quy định tại mục 3, 4, 5, 6, 7 của Danh mục này, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao trước khi ký.

DANH MỤC D

CÁC VĂN BẢN DO KIỂM SÁT VIÊN CAO CẤP KÝ

1. Giấy triệu tập, giấy báo tin, văn bản trả lời đương sự, giấy chuyển đơn.
 2. Biên bản lấy lời khai, biên bản xác minh.
 3. Bài phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa, phiên họp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.
 4. Văn bản yêu cầu xác minh bổ sung, giám định, giám định lại trước khi xét xử phúc thẩm; xác minh theo thủ tục giám đốc thẩm; xác minh tình tiết mới theo thủ tục tái thẩm.
 5. Văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân cấp dưới chuyển hồ sơ để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm.
- Đối với văn bản quy định tại mục 4 của Danh mục này, Kiểm sát viên cao cấp phải báo cáo Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao phụ trách trước khi ký.
- Đối với văn bản quy định tại mục 5 của Danh mục này, Kiểm sát viên cao cấp phải là Viện trưởng Viện nghiệp vụ hoặc Phó Viện trưởng Viện nghiệp vụ.

DANH MỤC E**VĂN BẢN DO VIỆN TRƯỞNG VIỆN NGHIỆP VỤ KÝ**

Sau khi báo cáo, theo ủy quyền của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện nghiệp vụ ký:

1. Văn bản giải đáp các vướng mắc về nghiệp vụ của các Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới;

2. Thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các vụ án, vụ việc có đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo phân công của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đối với Viện trưởng Viện nghiệp vụ là Kiểm sát viên cao cấp.

DANH MỤC F

NHỮNG VỤ, VIỆC VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH BÁO CÁO VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

Sau khi ban hành cáo trạng, chuyển hồ sơ sang Tòa án để xét xử sơ thẩm hoặc sau khi thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh báo cáo Viện kiểm sát nhân dân cấp cao các vụ án sau:

1. Vụ án xâm phạm an ninh quốc gia được quy định trong Bộ luật Hình sự.
2. Vụ án đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp về ma túy được quy định trong Bộ luật Hình sự.
3. Vụ án có người phạm tội là người có chức vụ cao ở địa phương, như: lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, cấp tỉnh; những vụ án có người phạm tội là công chức, viên chức Viện kiểm sát nhân dân; những người có chức sắc trong tôn giáo; nhân sỹ, trí thức có các chức danh do Nhà nước phong tặng; người nước ngoài; già làng, trưởng bản.
4. Vụ án kinh tế phức tạp, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, cần có ý kiến chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên.
5. Vụ án tham nhũng, đưa và nhận hối lộ có tổ chức hoặc liên quan đến người có chức vụ cao, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
6. Vụ án giết người, giết người cướp tài sản có tổ chức, có vũ khí, hiếp dâm có nhiều người tham gia, hiếp dâm trẻ em.
7. Vụ án vi phạm quyền tự do, dân chủ gây hậu quả nghiêm trọng, có ảnh hưởng lớn về chính trị.
8. Vụ án tai nạn giao thông, tai nạn lao động làm chết nhiều người gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng.
9. Vụ án cháy nổ kho tàng, nhà máy, cháy rừng, vụ án phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia gây thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng.
10. Vụ án gây rối trật tự công cộng có tổ chức, nhiều người tham gia.
11. Vụ án phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương.
12. Vụ, việc khiếu nại, tố cáo bức xúc có nhiều người tham gia, ảnh hưởng trật tự, an toàn xã hội ở địa phương, liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn của Viện kiểm sát nhân dân.
13. Các trường hợp Viện kiểm sát truy tố nhưng Tòa án có hướng tuyên không phạm tội.
14. Vụ án hành chính, vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật có tính chất

DANH MỤC G

NHỮNG BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH GỬI VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

1. Báo cáo kết quả kiểm sát xét xử sơ thẩm, phúc thẩm; bản án, quyết định và phiếu kiểm sát bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm; bản án, quyết định sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

2. Quyết định kháng nghị phúc thẩm; Quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị phúc thẩm; báo cáo đề nghị kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

3. Báo cáo việc kháng nghị, không kháng nghị đối với trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên không phạm tội (kèm theo bản sao bản án).

4. Văn bản hướng dẫn của các Vụ nghiệp vụ Viện kiểm sát nhân dân tối cao hoặc văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm.

5. Các kết luận, kháng nghị, kiến nghị yêu cầu các cơ quan tư pháp khắc phục vi phạm pháp luật trong hoạt động tư pháp; kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm, vi phạm pháp luật.

6. Báo cáo tình hình, kết quả giải quyết đơn thuộc thẩm quyền do các cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu và Đại biểu Quốc hội, cơ quan của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, báo chí hoặc do Viện kiểm sát nhân dân tối cao chuyển đến.

7. Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo yêu cầu của Ủy ban pháp luật, Ủy ban tư pháp của Quốc hội.

8. Kết luận giải quyết đơn, báo cáo tiến độ và kết quả giải quyết công tác trọng tâm theo chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

9. Báo cáo chuyên đề về công tác nghiệp vụ; thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ.

10. Báo cáo chuyên đề khác theo yêu cầu chỉ đạo của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp.

phức tạp.

15. Vụ án Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiểm sát điều tra, truy tố ủy quyền Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử sơ thẩm.

16. Vụ án, vụ việc có chỉ đạo của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, của cấp ủy địa phương.

DANH MỤC H

NHỮNG TRƯỜNG HỢP VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP TỈNH PHẢI BÁO CÁO THỈNH THỊ VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN CẤP CAO

Sau khi ban hành cáo trạng, chuyển hồ sơ sang Tòa án để xét xử sơ thẩm; hoặc sau khi thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo thỉnh thị Viện kiểm sát nhân dân cấp cao về đường lối giải quyết đối với các vụ án, vụ việc sau:

1. Vụ án, vụ việc trọng điểm do các ngành Trung ương trực tiếp chỉ đạo hoặc có sự chỉ đạo của cấp ủy địa phương.

2. Vụ án có bị cáo là cán bộ chủ chốt từ cấp huyện trở lên, Trưởng một ngành (hoặc tương đương) cấp tỉnh; là người có chức sắc cao trong các tôn giáo; là người có uy tín cao trong các dân tộc ít người; là nhân sỹ, trí thức có các chức danh do Nhà nước phong, tặng.

3. Vụ án, vụ việc nghiêm trọng, phức tạp có vướng mắc về đường lối giải quyết giữa cấp ủy hoặc các ngành với Viện kiểm sát mà địa phương không thống nhất được quan điểm.

4. Vụ án, vụ việc do Viện kiểm sát nhân dân cấp trên phân công cho Viện kiểm sát nhân dân cấp dưới thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử sơ thẩm nhưng khi giải quyết có khó khăn, vướng mắc.

5. Vụ án, vụ việc Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện đã thỉnh thị Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh nhưng còn ý kiến khác nhau.

6. Những vụ án, vụ việc có cán bộ trong ngành Kiểm sát nhân dân vi phạm pháp luật nghiêm trọng.

7. Những vụ án, vụ việc khác trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử có khó khăn, tự mình không giải quyết được.